DỰ THẢO

Phụ lục VI
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
NHIỆM VỤ TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KHUYẾN NÔNG

1. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm - Mã sản phẩm: HCMLK01

a) Định mức lao động **(Áp dụng cho 03 cơ sở)**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1 - 2 cán bộ

b) Định mức hỗ trợ liên kết **(Áp dụng cho 01 chuỗi)**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết**				
a	Tư vấn xây dựng liên kết			Theo thực tế và quy định pháp luật liên quan	
b	Xây dựng chuỗi				
	Kết nối các thành viên	lần	05	Tổ chức các cuộc họp	
	Thành lập HTX, THT… (liên kết ngang)	lần	03		
	Xây dựng quy chế hoạt động	lần	01		
	Thống nhất nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền, nghĩa vụ của các thành viên	lần	02		
	Xúc tiến thương mại	lần	05		
	Triển khai mở rộng thị trường	lần	05		
2	**Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết**				
	Máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm			Theo thực tế và quy định pháp luật liên quan	
3	**Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm**				≤ 40%
	Giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm	chu kỳ sản xuất			

c) Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình	Số lượng ≤ 30 người/lớp
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	HN	01		

2. Hỗ trợ chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, ATTP, hữu cơ, OCOP, tư vấn quản lý truy xuất nguồn gốc - Mã sản phẩm: HCMTV02

a) Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1 - 2 cán bộ

b) Định mức hỗ trợ chứng nhận, tư vấn **(Áp dụng chứng nhận cho 01 cơ sở/hộ)**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Thực hành nông nghiệp tốt**				
a	Tư vấn, hướng dẫn	lần	01	Chi phí theo thực tế và quy định pháp luật liên quan	
b	Chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt	lần	02	Chi phí theo thực tế và quy định pháp luật liên quan	
2	**An toàn thực phẩm**				
a	Tư vấn, hướng dẫn	lần	01	Chi phí theo thực tế và quy định pháp luật liên quan	
b	Chứng nhận An toàn thực phẩm	lần	02	Chi phí theo thực tế và quy định pháp luật liên quan	
3	**Nông nghiệp hữu cơ**				
a	Tư vấn cơ sở xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ	lần	01	Chi phí theo thực tế và quy định pháp luật liên quan.	
b	Chứng nhận nông nghiệp hữu cơ	lần	02	Chi phí theo thực tế và quy định pháp luật liên quan. Chứng nhận quá trình sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm của cơ sở phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11041:2017	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
4	**Chứng nhận sản phẩm OCOP**				
a	Tư vấn, hướng dẫn	lần	01	Chi phí theo thực tế và quy định pháp luật liên quan.	
b	Chứng nhận sản phẩm OCOP	lần	02	- Sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao trở lên - Là sản phẩm cấp tỉnh, cấp quốc gia	
5	**Tư vấn quản lý truy xuất nguồn gốc**				
	Tư vấn, hướng dẫn	lần	01	Chi phí theo thực tế và quy định pháp luật liên quan.	

c) Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	lần	01	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình	Số lượng ≤ 30 người/lớp
	Thời gian	ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	HN	01		